

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ
về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số
giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Công văn số 2364/UBND-CSĐT ngày 20/12/2024 của Ủy ban Dân tộc về việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ giai đoạn 2021-2024, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo như sau:

**I. VIỆC THỂ CHẾ HÓA CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG
CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT GIAI ĐOẠN 2021-
2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch dài hạn và hàng năm về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Nghị quyết 52/NQ-CP)

Phát triển nguồn nhân lực nói chung, trong đó có nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số là một trong 3 khâu đột phá chiến lược của đất nước, đã được tiếp tục khẳng định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Ngày 04/3/2022, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 1403/VPCP-KGVX thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ban ngành, địa phương tiếp tục chủ động, nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 52/NQ-CP bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ đã đề ra.

Nhằm tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 52/NQ-CP, Tỉnh ủy Đắk Lắk đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-TU ngày 19/5/2022 về xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 27/7/2022 về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đây là 02 văn bản có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Công văn số 2482/UBND-NC ngày 31/3/2022 chỉ đạo các đơn vị, địa phương phấn đấu thực hiện hiệu quả mục

tiêu, nhiệm vụ đã được xác định tại Kế hoạch số 1936/KH-UBND¹ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2021-2024, tỉnh Đắk Lắk đã nghiên cứu, ban hành nhiều chế độ, chính sách để huy động, lồng ghép các nguồn lực nhằm phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số của tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục 8 kèm theo*).

2. Công tác tuyên truyền, quán triệt, công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2024

Công tác tuyên truyền, quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 52/NQ-CP được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện, tổ chức tuyên truyền rộng rãi bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin truyền thông, thông qua các hội nghị, hội thảo, các lớp tập huấn, bồi dưỡng về lĩnh vực công tác dân tộc, tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong toàn xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng của các chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030, nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nội lực vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Năm 2022, Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP theo Kế hoạch số 467/KH-HĐND ngày 30/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, giám sát trực tiếp tại 02 huyện và một số Sở, ngành liên quan. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết năm và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG VÀ CHỈ TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT GIAI ĐOẠN 2021-2024, DỰ KIẾN ĐẾN NĂM 2025

1. Đánh giá chung

Kết quả triển khai thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực các DTTS trong thời gian qua đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự xã hội vùng đồng bào DTTS.

- Định hướng phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030 của địa phương:

+ Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi nhằm nâng cao dân trí, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào DTTS; ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho các vùng đồng bào DTTS, trong đó tập trung phát triển cơ sở hạ tầng; hỗ trợ đồng bào DTTS.

¹ Kế hoạch số 1936/KH-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2030.

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 1936/KH-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP.

+ Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa giáo dục, tăng cường huy động các nguồn lực phát triển giáo dục; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách miễn, giảm học phí, chính sách tín dụng sinh viên. Đẩy nhanh xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Nâng cao nhận thức của đồng bào DTTS về vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, loại trừ dần những tập tục, thói quen lạc hậu, xây dựng lối sống lành mạnh ở từng cá nhân, gia đình và cộng đồng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho đồng bào DTTS, tăng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ chăm sóc y tế cơ bản.

+ Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra trên các lĩnh vực về nâng cao thể lực, phát triển trí lực, nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng lao động cho người DTTS. Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực là người DTTS; xây dựng và triển khai Đề án bố trí, sử dụng sinh viên là người DTTS vào công tác trong hệ thống chính trị theo quy định pháp luật.

+ Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác cán bộ người DTTS. Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác, lý luận chính trị cho cán bộ, công chức, viên chức.

2. Kết quả thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2024

a) Lĩnh vực giáo dục

Hiện nay, toàn tỉnh có 1.013 trường từ mầm non đến THPT (gồm 327 trường mầm non, 368 trường tiểu học, 241 trường THCS, 60 trường THPT, 15 trường PTDT nội trú THCS cấp huyện, 02 trường PTDT nội trú THPT cấp tỉnh), có 6 trường PTDT bán trú ở cấp huyện (4 trường PTDT bán trú THCS, 02 trường PTDT bán trú Tiểu học). Có 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh và 15 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện, 01 trường Cao đẳng sư phạm và 01 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật. Có 184.000 học sinh, học viên người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 36,88%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 62,10%.

Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh vùng DTTS giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025” được các trường thực hiện thông qua nhiều giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho học sinh DTTS, bảo đảm cho học sinh đạt chuẩn năng lực tiếng Việt của mỗi lớp.

Việc tổ chức dạy học tiếng Êđê tại 68 trường Tiểu học, 532 lớp, với 11.468 học sinh; 12 trường PTDTNT, 24 lớp, với 889 học sinh đã góp phần bảo tồn tiếng nói, chữ viết của đồng bào DTTS góp phần bảo tồn bản sắc văn hoá của người DTTS trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên và người học là người DTTS được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Ngoài ra, các địa phương đã giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách khác theo quy định của Trung ương và quy định của tỉnh liên quan giáo viên và học sinh như chế độ phụ cấp cho giáo viên, chế độ hỗ trợ cho việc tổ chức dạy tiếng Êđê, chế độ cho học sinh dân tộc rất ít người, chế độ hỗ trợ sách, vở, gạo, ăn trưa cho học sinh miền núi, chế độ học sinh khuyết tật...

Tổng kinh phí đầu tư, sửa chữa cơ sở vật chất chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025 là 759,174 tỷ đồng. Trong đó: Tổng số phòng học xây dựng mới đã hoàn thành và dự kiến hoàn thành trong năm 2024 là 145 phòng² với tổng kinh phí 391,150 tỷ đồng. Tổng số phòng học chức năng xây dựng mới đã hoàn thành và dự kiến hoàn thành trong năm 2024 là 118 phòng³ với tổng kinh phí 66,8 tỷ đồng. Tổng số công trình phụ xây dựng mới đã hoàn thành và dự kiến hoàn thành trong năm 2023 là 334 công trình⁴ với tổng kinh phí 117,858 tỷ đồng. Tổng số kinh phí mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu chuẩn bị cho năm học 2024 - 2025 là 187,8 tỷ đồng. Trong đó: Mầm non: 24,7 tỷ đồng; Tiểu học: 47,38 tỷ đồng; THCS: 73,71 tỷ đồng. Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã phân bổ khoảng 173 tỷ đồng đầu tư cơ sở hạ tầng cho 18 trường PTDT nội trú, trường PTDT bán trú tại 14 huyện, thị xã, thành phố. Nhìn chung, cơ sở vật chất trường học ngày càng được kiên cố hóa, khang trang, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học, các trường đều có các phòng học bộ môn để cho các em học thực nghiệm các môn học thực hành, bố trí hợp lý các khu ký túc xá, nhà ăn trong khuôn viên diện tích của trường, đáp ứng nhu cầu ăn ở nội trú và vui chơi cho học sinh.

b) Lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe

Tỉnh Đắk Lắk có 20 Bệnh viện (05 bệnh viện tuyến tỉnh, 01 BVĐK khu vực, 14 BVĐK tuyến huyện), 10 trung tâm y tế tuyến tỉnh, 02 chi Cục, 15 trung tâm Y tế tuyến huyện quản lý (184 trạm y tế xã, phường, thị trấn). Ngành Y tế đã chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; tăng cường đầu tư trang thiết bị; củng cố nhân lực, bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn và thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng thiếu

² Mầm non: 41 phòng; Tiểu học: 53 phòng; THCS: 51 phòng; THPT: 0 phòng.

³ Mầm non: 30 phòng; Tiểu học: 36 phòng; THCS: 50 phòng; THPT: 02 phòng.

⁴ Mầm non: 90 công trình; Tiểu học: 115 công trình; THCS: 99 công trình; THPT: 37 công trình.

thuốc, thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở y tế. Đã cấp 3.293.249 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ, với số tiền là 2.493.572 triệu đồng. Số người nghèo, cận nghèo và các đối tượng được khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế là 3.413.581 lượt người, với số tiền 2.011.218 triệu đồng. Số giường bệnh/vạn dân đạt 29 giường/vạn dân; số bác sỹ/vạn dân đạt 7,7 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 93,5%. Bên cạnh đó, các hoạt động y tế dự phòng được tập trung triển khai thực hiện, cơ bản kiểm soát tốt các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn. Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế 100%. Tỷ lệ xã có trạm y tế: 100%, có 161/184 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, có 179/184 trạm y tế có bác sỹ phục vụ (đạt 97%). Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, tuyên truyền vận động kế hoạch hóa gia đình, bình đẳng giới,...cho đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng, công tác vệ sinh phòng dịch vùng dân tộc thiểu số đã được triển khai kịp thời, có hiệu quả.

Ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 7 Chương trình MTQG 1719 đã phân bổ gần 86 tỷ đồng đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho Trung tâm Y tế của 02 huyện nghèo 30^a là huyện M'Drăk và Ea Súp; hỗ trợ 22 mô hình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời; tổ chức trên 100 buổi nói chuyện chuyên đề tại các xã vùng III; tư vấn vận động cho cộng đồng, cho các gia đình có người cao tuổi và bản thân người cao tuổi nâng cao kiến thức, kỹ năng phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe và vai trò của người cao tuổi với trên 3.300 lượt người tham dự; tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sức khỏe sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi; lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho khoảng 1.700 người cao tuổi; tổ chức nhiều hội nghị, tập huấn về nâng cao năng lực quản lý dân số và năng lực cơ sở y tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với trên 1.600 lượt cán bộ y tế, viên chức dân số của Trạm Y tế xã tham dự...

c) Lĩnh vực lao động, việc làm

Thị trường lao động phát triển ổn định, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hoạt động bình thường. Người lao động đã chủ động trong việc đi tìm việc làm, chuyển đổi việc làm, tự tạo việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của bản thân để tạo ra thu nhập, không trông chờ, ỷ lại các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Năm 2024, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho khoảng 30.350 người, bằng 100,5% so với kế hoạch (xuất khẩu lao động khoảng 1.700 người, bằng 100% so với kế hoạch). Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm khoảng 57%. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị còn 2,4%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo dự kiến đạt 64%, trong đó lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 22,25%. Tuyển sinh và đào tạo nghề cho khoảng 44.802 học viên, học sinh, sinh viên, đạt 102,5% KH; chia theo các trình độ: Cao đẳng: 2.870

người; Trung cấp: 3.227 người; Sơ cấp: 17.554 người; Đào tạo thường xuyên: 21.151 người. Trong đó; hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho lao động nông thôn theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và theo 03 Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh cho khoảng 7.700 người (đến tháng 11 năm 2024 đã hỗ trợ đào tạo cho 4.255 người) với kinh phí thực hiện ước khoảng 25.000 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết

a) Nâng cao thể lực:

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi người DTTS là 3,9‰.
- Tuổi thọ bình quân của người DTTS là 71 tuổi.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi là 27,6%.

b) Phát triển trí lực:

- Tỷ lệ trẻ em DTTS trong độ tuổi nhà trẻ là 16,3% và tỷ lệ trẻ trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non là 87,0%.
- Tỷ lệ học sinh DTTS đi học đúng độ tuổi bậc Tiểu học là 99,5%, bậc Trung học cơ sở là 99,5%; bậc Trung học phổ thông là 94,9%.
- Tỷ lệ người DTTS trong độ tuổi lao động được đào tạo chương trình giáo dục nghề nghiệp đạt 64%.

c) Nâng cao kiến thức xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng lao động và thông tin thị trường:

- 100% học sinh DTTS được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống, có khả năng hội nhập quốc tế theo Chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Tỷ lệ lao động người DTTS trong độ tuổi lao động được cung cấp thông tin thị trường là 75%.
- Tỷ lệ lao động người DTTS trong độ tuổi lao động được tham gia các khóa đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng lao động, kỹ năng tìm việc, làm việc là 71%.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được

Các chính sách phát triển nguồn nhân lực các DTTS luôn được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, đã có nhiều chủ trương, giải pháp tập trung nhiều nguồn lực đầu tư cho vùng đồng bào DTTS. Vì vậy, đồng bào DTTS đã có sự phát triển cả về thể lực, trí lực và đời sống. Quy mô nền kinh tế (GRDP) đến năm 2024 đạt 63.249 tỷ đồng. Giá trị tổng sản phẩm

trên địa bàn tỉnh ước đạt 145.366 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt 74,7 triệu đồng/người. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội trong năm 2024 ước đạt 36.990 tỷ đồng, chiếm khoảng 25,45% tổng GRDP theo giá hiện hành (trong đó: Vốn NSNN chiếm khoảng 23,6%, khu vực vốn ngoài nhà nước chiếm khoảng 72,4%, vốn FDI và vốn khác chiếm khoảng 4%). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ, phù hợp với định hướng cơ cấu kinh tế chung là giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản, tăng dần tỷ trọng cơ cấu của ngành dịch vụ và công nghiệp - xây dựng. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2024 giảm 2,5%, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,5%.

2. Khó khăn, hạn chế

- Các chính sách triển khai thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP được ban hành nhiều, tuy nhiên chưa có cơ chế tài chính đảm bảo thực hiện, do đó kết quả thực hiện các chính sách còn hạn chế, thiếu nguồn lực, các chính sách đều mang tính hỗ trợ, định mức thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, do vậy, hiệu quả của một số chính sách chưa cao.

- Tình trạng học sinh bỏ học, nạo tử hôn trong đồng bào DTTS vẫn còn; một số học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp Cao đẳng, Đại học và học sinh thuộc diện cử tuyển học xong không có việc làm, gây lãng phí nguồn nhân lực và đầu tư của Nhà nước; tỷ lệ sinh viên người DTTS theo học đại học, cao đẳng còn thấp.

- Công tác chăm sóc, khám chữa bệnh ban đầu còn gặp khó khăn, một số hộ dân nhà ở xa trung tâm, xa trạm xá, bệnh viện. Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi giữa các vùng trên địa bàn tỉnh không đồng đều, đặc biệt là ở các buôn đồng bào DTTS.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân khách quan: Xuất phát điểm vùng DTTS thấp, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, chất lượng nguồn nhân lực thấp; rất khó khăn trong việc thu hút đầu tư; cơ sở hạ tầng thiếu đồng bộ, nhu cầu về cơ sở hạ tầng lớn, trong khi nguồn lực thực hiện chính sách chưa đáp ứng nhu cầu thực tế dẫn đến một số chính sách được ban hành nhưng không có kinh phí để thực hiện, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư vẫn còn hạn chế, khả năng đóng góp của Nhân dân không đáng kể vì đa số người dân ở các vùng DTTS có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Nguyên nhân chủ quan:

- Về cơ chế chính sách: Hệ thống chính sách giảm nghèo ngày càng mở rộng, tăng nhanh, bao phủ được đối tượng, tuy nhiên một số chính sách có sự

chồng chéo và việc phân bổ nguồn lực chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Về tổ chức thực hiện: Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền, đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức về vấn đề dân tộc, công tác dân tộc chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc nên chưa tập trung chỉ đạo và thực hiện đúng mức; hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức trách nhiệm của toàn xã hội còn nhiều bất cập, chưa tạo được chuyển biến trong đội ngũ cán bộ cơ sở và người dân.

- Về phía người dân: Hộ nghèo vùng DTTS một số nơi có trình độ nhận thức thấp, thiếu kiến thức làm ăn, thiếu vốn sản xuất, việc sử dụng vốn vay để phát triển sản xuất không hiệu quả. Một số hộ đông con vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng. Học sinh trung học cơ sở trở lên đã trở thành “lao động chính” trong gia đình, nhiều học sinh sau khi hoàn thành chương trình lớp 9 bỏ học, tham gia lao động làm thuê. Số lượng sinh viên vùng DTTS tốt nghiệp đại học, cao đẳng trên địa bàn khó kiếm việc làm theo chuyên ngành đào tạo, nhiều sinh viên ra trường đi làm thuê, công nhân tại các công ty, nhà máy lớn vùng ngoại tỉnh... các nguyên nhân trên ảnh hưởng đến tỷ lệ huy động học sinh theo học THPT và các trường chuyên nghiệp.

IV. GIẢI PHÁP

1. Có chính sách ưu đãi cho các đối tượng như học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng đặc biệt khó khăn; tăng định mức kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ cho người DTTS cao hơn so với các chính sách đào tạo chung.

2. Hỗ trợ về chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã; đặc biệt là những người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở vì mức hỗ trợ như hiện nay là quá thấp không đáp ứng nhu cầu cuộc sống. Tăng mức hỗ trợ khi tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đối với cán bộ, công chức công tác tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

3. Tăng cường hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trường học cho vùng đồng bào DTTS, đặc biệt các trường PTDTBT, trường THPT có bộ phận học sinh bán trú. Hỗ trợ nguồn nhân lực cũng như nguồn kinh phí cho hoạt động giáo dục nghề cho học sinh trong những năm tới để các cơ sở giáo dục thực hiện thành công việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế để vận động các nguồn viện trợ, hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho tỉnh nhằm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

V. KIẾN NGHỊ

Để tổ chức thực hiện hệ thống chính sách thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk kiến nghị Ủy ban Dân tộc đề nghị Chính phủ:

1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 52/NQ-CP trong tình hình mới; theo đó, thực hiện rà soát các chính sách đang triển khai thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Bộ, ngành; phân loại từng nhóm chính sách thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các Bộ, ngành được giao tại Nghị định. Đưa ra khỏi Nghị định những chính sách thực hiện hiệu quả không cao, không còn phù hợp với thực tế hiện nay.

2. Bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các chính sách được ban hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác phát triển nguồn nhân lực các DTTS.

3. Đẩy mạnh phân cấp quản lý, phân công trách nhiệm rõ ràng, nhiệm vụ cụ thể, không để chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

Trên đây là việc báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ giai đoạn 2021-2024, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Ủy ban Dân tộc theo quy định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- CT, PCT UBND tỉnh (Đ/c Nguyễn Thiên Văn);
- Phó CVP UBND tỉnh (Đ/c Nguyễn Tiến Dũng);
- Trung tâm CN&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Vn. 07b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

